

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16.02.2022.

“V/v: *Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Quang Nguyên và bà Vũ Thị Liên.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Ngọc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Động.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: ông Dương Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 01/TB – TA ngày 13/01/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Hoàng Thị H, sinh năm 1970. Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: thôn T1, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

* Bị đơn: ông Trần Văn Đ, sinh năm 1964. Hộ khẩu thường trú: số 236 T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở hiện nay: thôn T1, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị H thể hiện như sau: Bà và ông Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (dưới đây viết tắt là: UBND) phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh ngày 03/7/2015. Sau khi bà và ông Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, bà và ông Đ sinh sống tại thôn T1, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng bà vẫn chung sống với nhau và cùng tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn. Đến tháng 4/2021 thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, không thể giải quyết được nên mặc dù bà và ông

Đ ở chung nhà nhưng mỗi người một phòng riêng, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, kinh tế vợ chồng độc lập. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Đ không còn nên không thể đoàn tụ để chung sống với nhau được nữa. Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ để bà ổn định cuộc sống.

- Về con chung: bà H xác định, bà và ông Đ không có con chung.

- Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: bà tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian mâu thuẫn của ông và bà H như bà H trình bày là đúng. Ông xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau có nhiều bất đồng, vợ chồng không có con chung, bà H có ý định mang con riêng của bà H về ở cùng ông bà nên bà H tỏ thái độ coi thường ông, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng sống chung nhà nhưng ly thân, mỗi người một phòng riêng, không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông, ông cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H không còn, vợ chồng không thể níu kéo được với nhau nữa, ông nhất trí ly hôn với bà H. Sau đó ông trình bày nếu bà H không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này thì ông không nhất trí ly hôn với bà H.

- Về con chung: ông Đ xác định, ông và bà H không có con chung.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Đ có đưa ra yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nhưng ông Đ không làm đơn, không kê khai cụ thể các tài sản yêu cầu Tòa án giải quyết trong lời khai của mình và cũng không nộp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu của mình. Thẩm phán giải thích về các quy định của pháp luật có liên quan đến yêu cầu của ông Đ, ông Đ chỉ đưa ra lý do bà H là nguyên đơn, bà H phải làm đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, bà H phải có trách nhiệm kê khai tài sản chung, ông không có nghĩa vụ kê khai.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông Đ đã trình bày quan điểm của mình nhưng bỏ về và không ký vào biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, bà H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án cho bà H và ông Đ theo quy định của pháp luật.

* *UBND xã Nghĩa Dân cung cấp:* Bà H và ông Đ kết hôn với nhau tự nguyện, ông bà có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại nơi ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú ở phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh vào khoảng năm 2015 là đúng. Sau khi bà H và ông Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn xong, bà H và ông Đ chung sống với nhau tại thôn T1, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên, từ đó cho đến nay. Quá trình ông Đ sinh sống tại địa phương thỉnh thoảng có về quê ở Bắc Ninh nhưng chủ yếu ông Đ vẫn sinh sống tại xã Nghĩa Dân là đúng thực tế. Quá trình vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc như thế nào, thời gian phát sinh mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của ông bà

thì địa phương không nắm được. Nay bà H có đơn xin ly hôn ông Đ, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của các bên.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã gửi các văn bản tố tụng cho ông Đ, đều được UBND xã Nghĩa dân giao cho ông Đ theo đúng quy định.

Tại phiên tòa:

- Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Bà và ông Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Đ nhất trí ly hôn bà H vì đến nay giữa ông và bà H không còn tình cảm vợ chồng nữa. Ông và bà H không có con chung nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung: năm 2016 ông và bà H có mua đất và đã xây ba gian nhà cấp 4 lợp ngói khép kín trên đất tại thôn T1, xã N, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, hiện nay ông và bà H đang quản lý, sử dụng. Ông đề nghị Tòa án chia tài sản trên cho ông và bà Huyền theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về tài sản chung. Tại phiên tòa, ông mong muốn Tòa án chia tài sản chung cho ông theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông chưa xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản trên là của chung vợ chồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung của vụ án: căn cứ các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

+ Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn Đ.

+ Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: bà H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Đ chỉ đưa ra yêu cầu nhưng không chấp hành nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện xin ly hôn, ông Đ là bị đơn có Hộ khẩu thường trú tại: số 236 T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh nhưng ông Đ

thường xuyên sinh sống tại thôn T1, xã N, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, có xác nhận của Công an xã Nghĩa Dân. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/KH/2015 ngày 03/7/2015. Bà H và ông Đ chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với nhau không có con chung, thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng, cãi vã. Đến tháng 4/2021 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, không thể tháo gỡ, mặc dù ông bà sống chung nhà nhưng mỗi người một phòng riêng, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, kinh tế vợ chồng độc lập. Đến nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ để bà ổn định cuộc sống riêng, ông Đ lúc đầu cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với bà H nhưng sau đó ông Đ yêu cầu bà Huyền phải chia tài sản chung, nếu bà H không yêu cầu chia tài sản chung, ông không nhất trí ly hôn với bà H. Tại phiên tòa, ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông nhất trí ly hôn bà H. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà H và ông Đ thuận tình ly hôn không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông Đ là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công sức, nợ chung và ruộng canh tác: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng ông Đ không nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản, không kê khai những tài sản chung của vợ chồng mà ông yêu cầu giải quyết trong quá trình Tòa án lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và cũng không nộp tài liệu chứng cứ gì khác. Ông Đ đề nghị Tòa án yêu cầu bà H là nguyên đơn phải làm đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và bà H phải có trách nhiệm kê khai tài sản chung của vợ chồng, ông không có nghĩa vụ phải kê khai, ông cho rằng ông không phải là người địa phương nên ông không thể cung cấp được tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, ông Đ tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa bà H và ông Đ nhưng ông Đ vẫn không xuất trình các tài liệu, chứng cứ chứng minh, mặc dù ông Đ đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Đ cố tình không thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không được xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Nếu sau này bà H, ông Đ có yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng sẽ được thụ lý và giải quyết bằng vụ án kiện khác.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn Đ.

2. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002505 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;

-VKSND huyện, VKSND tỉnh;

-Chi cục THADS huyện;

-UBND phường Tiên An, tp Bắc Ninh;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Oanh